TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2024
V/v tranh chấp: *"ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trưng và bà Phạm Thị Thùy Lê .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngân–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1991;

Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987;

ĐKTT: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 10/3/2015 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì đời sống hôn nhân của vợ chồng không thể nào hòa hợp và không còn tiếng nói chung. Khoảng cuối năm 2023 chị T có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng vì lúc đó chị T

nghĩ vẫn có thể hàn gắn hôn nhân nên đã rút đơn ly hôn. Tuy nhiên, sau đó chị T với anh H và gia đình anh H vẫn không thể nào hòa hợp được. Chị T và anh H không còn sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay. Cũng từ năm 2017 thì anh H đã về nhà cha mẹ ruột anh H ở khu phố N, thị trấn C, huyện T sinh sống. Từ khi chị T và anh H sống ly thân đến nay, cả hai không tìm được biện pháp khắc phục để hàn gắn hôn nhân, không ai quan tâm đến đời sống của ai. Cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 26/02/2016; Hiện cháu H1 do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1; chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được TAND huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt; Tại bản tự trình bày và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/7/2024, anh H trình bày: Anh H đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 26/02/2016, hiện cháu H1 do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh H đồng ý giao cháu H1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T. Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 26/02/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện anh Nguyễn Văn H trú tại: Khu phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc "Ly hôn". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Tuy An. Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Văn

H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 10/3/2015 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Chị T và anh H đã không còn sống chung từ năm 2017 đến nay, chị T xác định không còn tình cảm với anh H, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt anh H đồng ý ly hôn với chị T.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh H là trầm trọng và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại, khả năng hàn gắn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh H thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 26/02/2016, cháu H1 đang sống cùng chị T, tình cảm mẹ con gắn bó; cháu H1 có nguyện vọng sống cùng chị T. tại đơn xin xét xử vắng mặt anh H cũng thống nhất giao cháu H1 cho chị T nuôi dưỡng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu H1 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227; Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 26/02/2016 cho chị Nguyễn Thị Phương T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0010681 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.